

Số: 149/2021/QĐST-DS

Thành phố Huế, ngày 06 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 289/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V. Địa chỉ: 22 đường H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiên Đông- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ: 02C đường P, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Vũ Quang L; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP S.

- Ông Nguyễn Phúc M- Chức vụ: Quyền giám đốc Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Huế. Địa chỉ: 50 đường H, phường P, thành phố Huế (Văn bản ủy quyền số 342/GUQ-SGB ngày 18/8/2020).

- Ông Lê Văn V- Chức vụ: Nhân viên phục vụ công tác thu hồi nợ Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Huế. Địa chỉ: 50 đường H, phường P, thành phố Huế (Văn bản ủy quyền số 342/GUQ-SGB ngày 18/8/2020).

Bị đơn: Bà Đặng Hoàng Âu C; địa chỉ: Số 03 Kiệt 24 đường L, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Trần Ngọc T; địa chỉ: Số 10/02 đường L, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Văn bản ủy quyền ngày 04/3/2021).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP S; địa chỉ chi nhánh: 50 đường H, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang L; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Văn K; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S- chi nhánh Huế. Địa chỉ: 50 đường H, phường P, thành phố Huế (Văn bản ủy quyền số 343/GUQ-SGB ngày 18/8/2020).

- Ông Ngô Tiên T - Chức vụ: Nhân viên Phòng kinh doanh Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Huế. Địa chỉ: 50 đường H, phường P, thành phố Huế (Văn bản ủy quyền số 343/GUQ-SGB ngày 18/8/2020).

2. Ông Trần T; địa chỉ: 32 đường T, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Bà Phan Thị G; địa chỉ: 32 đường T, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần T và bà Phan Thị G: Ông Trần Ngọc T; địa chỉ: Số 10/02 đường L, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2021).

4. Ông Nguyễn Văn T (chồng bà C); địa chỉ: Số 3 kiệt 24 đường L, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Bà Võ Thị Văn Mỹ N; địa chỉ: Số 29/5 đường B, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Ông Tống Hữu H; Số 08/188 đường N (Tổ 19, khu vực 7), phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Ông Lê Quang H; địa chỉ: Số 04/68 đường N (Tổ 17, khu vực 4), phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

8. Ông Hồ Đình T. Địa chỉ: 52 kiệt 20 đường L, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

09. Ông Trương Ngọc Q. Địa chỉ: 22/23 Kiệt 119 đường H, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

10. Ông Huỳnh Văn T. Địa chỉ: 67 đường T, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

11. Bà Nguyễn Thị Mỹ H. Địa chỉ: Tổ 19, khu vực 7, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

12. Ông Nguyễn Thế H. Địa chỉ: 66 đường T, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và phương thức trả nợ:

Xác định tính đến ngày 28/6/2021, bà Đặng Hoàng Âu C còn nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V số tiền tổng cộng gồm 7.875.759.578 đồng, trong đó: Nợ gốc là 5.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 93.424.657 đồng, lãi phạt quá hạn là 2.750.753.424 đồng, phạt chậm thanh toán lãi: 31.581.497 đồng. Cụ thể gồm:

+ Khoản nợ theo Hợp đồng số 599/2017/HĐTDTL-CN ngày 28/12/2017: Nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 56.054.794 đồng, lãi trong hạn trong thời gian quá hạn là 1.100.301.369 đồng, lãi phạt quá hạn là 550.150.685 đồng, phạt chậm thanh toán lãi: 18.948.897 đồng. Tổng cộng: 4.725.455.745 đồng.

+ Khoản nợ theo Hợp đồng số 600/2017/HĐTDTL-CN ngày 28/12/2017: Nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 37.369.863 đồng, lãi trong hạn trong thời gian quá hạn là 733.534.247 đồng, lãi phạt quá hạn là 366.767.123 đồng, phạt chậm thanh toán lãi: 12.632.600 đồng. Tổng cộng: 3.150.303.833 đồng.

Bà Đặng Hoàng Âu C có nghĩa vụ trả nợ cho VAMC toàn bộ số tiền 7.875.759.578 đồng ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/6/2021, bà Đặng Hoàng Âu C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp bà Đặng Hoàng Âu C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì VAMC có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 185, tờ bản đồ số 36, diện tích 704,3m² tọa lạc tại Số 01 đường H, Khu quy hoạch K, phường X, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 110769 do UBND Thành phố Huế cấp ngày

28/5/2015 cho ông Trần T và bà Phan Thị G để thu hồi nợ trong phạm vi thực hiện bảo đảm là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không thanh toán hết khoản nợ trên thì bà Đặng Hoàng Âu C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn thiếu cho VAMC cho đến khi hết nợ.

2.3 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Gồm 2.000.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định. Nguyên đơn đã nộp đủ.

2.4 Về án phí tranh chấp Dân sự: Gồm 57.937.880 đồng [112.000.000 đồng + (7.875.759.578 đồng – 4.000.000.000 đồng) x 0,1 %] x 50% = 57.937.880 đồng. Bà Đặng Hoàng Âu C tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí.

Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V số tiền tạm ứng án phí là 57.611.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0002031 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hué